

[Mảng 1 Chiều]. Bài 1 : Các bài toán cơ bản trên mảng.

Cho mảng số nguyên gồm N phần tử. Thực hiện in ra các yêu cầu sau đây. (Bài này đúng là được nhé mọi người, TLE không sao cả vì test to quá)

Input Format

Dòng đầu tiên là số lượng phần tử trong mảng. Dòng thứ 2 là N phần tử trong mảng.

Constraints

$$2 \leq n \leq 10^6; -10^9 \leq a_i \leq 10^9$$

Output Format

Dòng đầu tiên ghi số lớn nhất trong mảng kèm theo vị trí của nó (bắt đầu từ 0), nếu có nhiều số cùng có giá trị lớn nhất thì lấy vị trí xuất hiện đầu tiên. Dòng thứ 2 ghi số nhỏ nhất trong mảng kèm theo vị trí của nó (bắt đầu từ 0), nếu có nhiều số cùng có giá trị nhỏ nhất thì lấy vị trí xuất hiện cuối cùng. Dòng thứ 3 ghi ra số lượng số nguyên tố xuất hiện trong dãy. Dòng thứ 4 ghi ra tích lớn nhất của 2 số trong mảng (2 số khi nhân với nhau tạo ra tích lớn nhất). Dòng thứ 5 in ra YES nếu mảng đối xứng, ngược lại in ra NO. Dòng thứ 6 tính tích các số trong mảng, kết quả lấy dư với (10^9+7)

Sample Input 0

```
6
-10 -10 2 3 4 5
```

Sample Output 0

```
5 5
-10 1
3
100
NO
12000
```

[Mảng 1 Chiều]. Bài 2. Kiểm tra mảng tăng dần.

Kiểm tra xem mảng đã cho có tăng chặt hay không, tức là các phần tử đứng sau luôn lớn hơn phần tử đứng trước nó.

Input Format

Dòng đầu tiên là số lượng phần tử trong mảng. Dòng thứ 2 là N phần tử trong mảng.

Constraints

$1 \leq n \leq 10^6$; $1 \leq a_i \leq 10^9$

Output Format

In YES nếu các phần tử trong mảng tăng dần, ngược lại in NO.

Sample Input 0

```
6
1 2 3 8 9 22
```

Sample Output 0

```
YES
```

Sample Input 1

```
5
1 2 8 8 10
```

Sample Output 1

```
NO
```

[Mảng 1 Chiều]. Bài 3. Số lớn hơn các số đứng trước

Cho một dãy số nguyên dương có n phần tử. Hãy liệt kê số các phần tử trong dãy lớn hơn tất cả các số đứng trước nó (Phần tử đầu tiên được coi là một phần tử thỏa mãn).

Input Format

Dòng đầu tiên là số lượng phần tử trong mảng. Dòng thứ 2 là N phần tử trong mảng.

Constraints

$2 \leq n \leq 10^6$; $1 \leq a_i \leq 10^9$

Output Format

Liệt kê các số thỏa mãn

Sample Input 0

```
6
2 6 1 3 9 9
```

Sample Output 0

```
2 6 9
```

[Mảng 1 Chiều]. Bài 4. Die hard

Bộ phim "Die Hard" mới vừa được phát hành! Có n người tại phòng vé rạp chiếu phim đứng thành một hàng lớn. Mỗi người trong số họ có một tờ tiền mệnh giá 100, 50 hoặc 25 rúp. Một vé "Die Hard" có giá 25 rúp. Nhân viên đặt phòng có thể bán vé cho mỗi người và trả tiền thừa nếu ban đầu anh ta không có tiền và bán vé theo đúng thứ tự mọi người trong hàng không?

Input Format

Dòng đầu tiên chứa số nguyên n - số người trong hàng. Dòng tiếp theo chứa n số nguyên, mỗi số bằng 25, 50 hoặc 100 - giá trị của các tờ tiền mà mọi người có

Constraints

$$1 \leq n \leq 10^6$$

Output Format

In YES nếu người bán hàng có thể bán và trả tiền thừa cho mọi người trong hàng, ngược lại in NO

Sample Input 0

```
5
25 25 25 50 50
```

Sample Output 0

```
YES
```

Sample Input 1

```
2
50 25
```

Sample Output 1

```
NO
```

[Mảng 1 Chiều]. Bài 5. Gửi thư

Tất cả các thành phố của Lineland đều nằm trên trục tọa độ Ox. Do đó, mỗi thành phố được liên kết với vị trí x_i - tọa độ trên trục Ox. Không có hai thành phố được đặt tại một điểm. Cư dân Lineland thích gửi thư cho nhau. Một người chỉ có thể gửi thư nếu người nhận sống ở một thành phố khác. Chi phí gửi thư chính xác bằng khoảng cách giữa thành phố của người gửi và thành phố của người nhận. Đối với mỗi thành phố, hãy tính hai giá trị mini và maxi, trong đó mini là chi phí tối thiểu để gửi thư từ thành phố thứ i đến một thành phố khác và maxi là chi phí tối đa để gửi thư từ thành phố thứ i đến một thành phố khác

Input Format

Dòng đầu tiên là số nguyên dương n . Dòng thứ hai chứa chuỗi n số nguyên khác nhau x_1, x_2, \dots, x_n ($-10^9 \leq x_i \leq 10^9$), trong đó x_i là tọa độ x của thành phố thứ i . Tất cả các x_i là khác biệt và theo thứ tự tăng dần.

Constraints

$$2 \leq n \leq 10^6; -10^9 \leq x_i \leq 10^9$$

Output Format

Đối với mỗi thành phố in ra 2 giá trị mini và maxi trên 1 dòng.

Sample Input 0

```
4
-5 -2 2 7
```

Sample Output 0

```
3 12
3 9
4 7
5 12
```

[Mảng 1 Chiều]. Bài 6. Đếm cặp số nguyên tố cùng nhau

Cho một dãy số nguyên dương có n phần tử. Hãy đếm các cặp số nguyên tố cùng nhau trong mảng.

Input Format

Dòng đầu tiên là số lượng phần tử trong mảng n . Dòng thứ 2 là các phần tử a_i trong mảng

Constraints

$$1 \leq n \leq 1000; 1 \leq a_i \leq 10^9$$

Output Format

In ra số lượng cặp số nguyên tố cùng nhau trong mảng.

Sample Input 0

```
5
2 4 8 3 6
```

Sample Output 0

```
3
```

Explanation 0

Các cặp số nguyên tố cùng nhau là : (2, 3), (3, 4), (3, 8)

[Mảng 1 Chiều]. Bài 7. Sắp xếp chẵn lẻ.

Cho một mảng các số nguyên, sắp xếp các phần tử trong mảng sao cho, các phần tử lẻ đứng trước và giảm dần, các phần tử chẵn đứng sau và tăng dần. Xem thêm ví dụ để hiểu rõ hơn yêu cầu.

Input Format

Dòng đầu tiên là số lượng phần tử trong mảng n
Dòng thứ 2 là các phần tử a_i trong mảng

Constraints

$$1 \leq n \leq 10^6; 1 \leq a_i \leq 10^9$$

Output Format

In ra dãy đã được sắp xếp

Sample Input 0

```
10
1 2 3 9 7 4 8 6 10 5
```

Sample Output 0

```
9 7 5 3 1 2 4 6 8 10
```

[Mảng 1 Chiều]. Bài 8. Trộn 2 dãy đã sắp xếp

Cho 2 mảng đã được sắp xếp tăng dần, thực hiện trộn 2 dãy trên thành một dãy được sắp xếp.

Input Format

Dòng đầu tiên là số lượng phần tử của 2 dãy n và m . Dòng thứ 2 là n phần tử trong dãy số 1. Dòng thứ 3 là m phần tử trong dãy thứ 2.

Constraints

$1 \leq n, m \leq 10^7$; $1 \leq a_i \leq 10^9$

Output Format

In ra mảng sau khi trộn

Sample Input 0

```
42 469
35 145 153 169 281 292 299 322 333 334 358 382 391 421 436 447 464
478 491 500 538 604 667 703 705 716 718 724 726 771 811 827 827 869
894 895 902 912 942 961 962 995
2 3 3 6 7 8 9 10 11 18 18 19 20 21 21 21 22 23 24 30 30 31 31 35 37
38 40 41 43 44 52 53 53 55 60 60 61 64 70 72 75 82 84 86 87 88 93 97
99 101 102 105 106 107 109 114 115 116 118 119 123 125 127 129 139
140 141 142 142 144 145 150 152 153 154 154 156 157 159 161 161 164
168 168 169 170 170 173 177 179 181 182 185 186 187 189 190 190 191
191 192 193 195 195 195 196 199 200 202 202 202 209 213 221 222 222
224 227 235 249 253 253 255 260 261 263 264 264 270 270 270 272 279
281 281 282 285 285 286 286 287 288 290 291 292 292 297 297 302 303
306 308 309 310 313 313 313 314 314 315 316 316 321 322 323 326 328
329 334 337 343 348 350 350 350 355 355 359 360 362 368 370 371 372
374 376 383 386 389 391 393 401 410 411 413 413 414 416 416 418 421
422 423 423 423 425 426 430 432 433 434 437 439 439 441 446 448 450
451 455 457 458 464 466 466 467 472 474 474 476 477 480 481 483 483
484 484 485 487 487 488 492 503 505 506 510 510 511 512 512 514 518
519 520 520 523 525 527 529 529 535 537 537 538 538 541 543 547 547
548 548 549 549 550 555 556 557 558 565 573 574 576 576 577 580 585
587 588 589 591 593 593 595 596 596 600 600 602 609 616 617 617 618
622 623 624 624 625 625 625 626 627 627 629 629 634 636 639 644 646
646 648 648 649 651 655 655 657 658 658 659 662 664 667 668 668 671
673 673 678 687 688 692 694 694 695 699 701 702 704 711 711 712 718
721 723 724 725 728 729 734 734 737 741 745 745 753 753 756 756 757
757 757 758 758 760 762 763 767 771 773 777 778 786 787 788 789 790
796 798 798 798 800 802 805 807 808 813 815 824 829 832 832 833 833
833 836 840 842 844 844 851 859 861 866 868 869 869 874 875 881 882
886 888 890 892 893 896 900 900 900 902 905 909 912 924 924 926 928
929 930 931 932 935 938 941 942 944 945 945 946 949 954 958 958 962
966 966 972 974 976 977 982 985 986 989 996 998 999
```

Sample Output 0

```

2 3 3 6 7 8 9 10 11 18 18 19 20 21 21 21 22 23 24 30 30 31 31 35 35
37 38 40 41 43 44 52 53 53 55 60 60 61 64 70 72 75 82 84 86 87 88 93
97 99 101 102 105 106 107 109 114 115 116 118 119 123 125 127 129
139 140 141 142 142 144 145 145 150 152 153 153 154 154 156 157 159
161 161 164 168 168 169 169 170 170 173 177 179 181 182 185 186 187
189 190 190 191 191 192 193 195 195 195 196 199 200 202 202 202 209
213 221 222 222 224 227 235 249 253 253 255 260 261 263 264 264 270
270 270 272 279 281 281 281 282 285 285 286 286 287 288 290 291 292
292 292 297 297 299 302 303 306 308 309 310 313 313 313 314 314 315
316 316 321 322 322 323 326 328 329 333 334 334 337 343 348 350 350
350 355 355 358 359 360 362 368 370 371 372 374 376 382 383 386 389
391 391 393 401 410 411 413 413 414 416 416 418 421 421 422 423 423
423 425 426 430 432 433 434 436 437 439 439 441 446 447 448 450 451
455 457 458 464 464 466 466 467 472 474 474 476 477 478 480 481 483
483 484 484 485 487 487 488 491 492 500 503 505 506 510 510 511 512
512 514 518 519 520 520 523 525 527 529 529 535 537 537 538 538 538
541 543 547 547 548 548 549 549 550 555 556 557 558 565 573 574 576
576 577 580 585 587 588 589 591 593 593 595 596 596 600 600 602 604
609 616 617 617 618 622 623 624 624 625 625 625 626 627 627 629 629
634 636 639 644 646 646 648 648 649 651 655 655 657 658 658 659 662
664 667 667 668 668 671 673 673 678 687 688 692 694 694 695 699 701
702 703 704 705 711 711 712 716 718 718 721 723 724 724 725 726 728
729 734 734 737 741 745 745 753 753 756 756 757 757 757 758 758 760
762 763 767 771 771 773 777 778 786 787 788 789 790 796 798 798 798
800 802 805 807 808 811 813 815 824 827 827 829 832 832 833 833 833
836 840 842 844 844 851 859 861 866 868 869 869 869 874 875 881 882
886 888 890 892 893 894 895 896 900 900 900 902 902 905 909 912 912
924 924 926 928 929 930 931 932 935 938 941 942 942 944 945 945 946
949 954 958 958 961 962 962 966 966 972 974 976 977 982 985 986 989
995 996 998 999

```

[Mảng 1 Chiều]. Bài 9. Đếm tần suất

Cho mảng các số nguyên không âm gồm n phần tử, thực hiện đếm tần suất xuất hiện của các phần tử và in theo mẫu.

Input Format

Dòng đầu tiên là số lượng phần tử trong mảng. Dòng thứ 2 là N phần tử trong mảng.

Constraints

$2 \leq n \leq 10^6$; $0 \leq a_i \leq 10^7$

Output Format

In ra tần suất xuất hiện của các phần tử theo thứ tự từ nhỏ tới lớn sau đó bỏ trống 1 dòng và in ra tần suất xuất hiện của các phần tử theo thứ tự xuất hiện trong mảng (mỗi giá trị chỉ liệt kê 1 lần).

Sample Input 0

```
8
2 1 2 3 4 8 2 3
```

Sample Output 0

```
1 1
2 3
3 2
4 1
8 1

2 3
1 1
3 2
4 1
8 1
```

[Mảng 1 Chiều]. Bài 10. Tìm hợp và giao của 2 mảng 1

Cho 2 mảng số nguyên a và b gồm n và m phần tử. Gọi mảng c và d lần lượt là mảng chỉ bao gồm các phần tử khác nhau của a và b. Hãy tìm mảng giao và hợp của mảng c và d và liệt kê theo thứ tự tăng dần.

Hướng dẫn tìm giao : Dùng 1 map để đánh dấu những giá trị xuất hiện trong mảng a, Dùng 1 map để đánh dấu những giá trị xuất hiện trong mảng b. Duyệt 1 trong 2 map và kiểm tra xem phần tử của map hiện tại có nằm trong map thứ 2 hay không => giao. Tìm hợp : Đưa các phần tử trong 2 mảng vào 1 cái set

Input Format

Dòng đầu tiên là số lượng phần tử của 2 dãy n và m. Dòng thứ 2 là n phần tử trong dãy số 1. Dòng thứ 3 là m phần tử trong dãy thứ 2.

Constraints

$1 \leq n, m \leq 10^6$; $0 \leq a_i \leq 10^7$

Output Format

Dòng đầu tiên in ra giao của 2 mảng c và d. Dòng thứ 2 in ra hợp của 2 mảng c và d.

Sample Input 0

```
5 6
1 2 1 2 7
```



```
1 2 3 4 5 6
```

Sample Output 0

```
1 2
1 2 3 4 5 6 7
```

[Mảng 1 Chiều]. Bài 11. Tìm hợp và giao của 2 mảng 2

Cho 2 mảng số nguyên a và b gồm n và m phần tử, các phần tử trong mảng là đôi một khác nhau, các phần tử trong 2 mảng đã được sắp xếp theo thứ tự tăng dần. Hãy tìm mảng giao và mảng hợp của 2 mảng.

Input Format

Dòng đầu tiên là số lượng phần tử của 2 dãy n và m. Dòng thứ 2 là n phần tử trong dãy số 1. Dòng thứ 3 là m phần tử trong dãy thứ 2.

Constraints

$1 \leq n, m \leq 10^7$; $-10^7 \leq a_i \leq 10^7$

Output Format

Dòng đầu tiên in ra mảng hợp của 2 mảng Dòng thứ 2 in ra mảng giao của 2 mảng

Sample Input 0

```
4 5
1 2 3 4
2 3 5 6 7
```

Sample Output 0

```
1 2 3 4 5 6 7
2 3
```

[Mảng 1 Chiều]. Bài 12. Đếm tần suất số nguyên tố

Cho một dãy số nguyên chưa biết trước số lượng phần tử, hãy đếm tần xuất hiện của các số nguyên tố trong dãy và in ra theo thứ tự xuất hiện trong dãy

Input Format

Gồm nhiều dòng chưa các số nguyên trong dãy

Constraints

Dãy không quá 10000 số nguyên không âm. Các số trong dãy là số nguyên không âm không quá 10^9

Output Format

In ra các số nguyên tố trong dãy kèm theo tần suất của nó.

Sample Input 0

```
2 3 5 3 2 5 1
```

Sample Output 0

```
2 2  
3 2  
5 2
```

[Mảng 1 Chiều]. Bài 13. Đổi tiền tham lam

Tại ngân hàng có các mệnh giá bằng 1, 2, 5, 10, 20, 50, 100, 200, 500, 1000, số lượng tờ tiền mỗi mệnh giá là không hạn chế. Một người cần đổi số tiền có giá trị bằng N. Hãy xác định xem số tờ tiền ít nhất sau khi đổi là bao nhiêu?

Input Format

Gồm 1 số nguyên N

Constraints

$1 \leq N \leq 10^{14}$

Output Format

Số lượng tờ tiền ít nhất có tổng bằng N.

Sample Input 0

```
121
```

Sample Output 0

```
3
```

[Mảng 1 Chiều]. Bài 14. Liệt kê và đếm

Cho một dãy các số nguyên dương không quá 9 chữ số, mỗi số cách nhau vài khoảng trống, có thể xuống dòng. Hãy tìm các số không giảm (các chữ số theo thứ tự từ trái qua phải tạo thành dãy không giảm) và đếm số lần xuất hiện của các số đó.

Input Format

Gồm 1 dãy các số nguyên dương không quá 9 chữ số

Constraints

Dãy không quá 100000 số. Các số đều nguyên dương và không quá 9 chữ số.

Output Format

Ghi ra các số không giảm kèm theo số lần xuất hiện. Các số được liệt kê theo thứ tự sắp xếp số lần xuất hiện giảm dần. Trong trường hợp có nhiều số có cùng số lần xuất hiện thì số nhỏ hơn sẽ xếp trước.

Sample Input 0

```
888 289 123
321 54 888
```

Sample Output 0

```
888 2
123 1
289 1
```

[Mảng 1 Chiều]. Bài 15. BRT

Thành phố X có N thị trấn trên trục đường chính. Tọa độ của các thị trấn lần lượt là $a[1], a[2], \dots, a[N]$, các tọa độ này là phân biệt, không có 2 tọa độ nào trùng nhau. Chính quyền thành phố muốn xây dựng một tuyến buýt nhanh BRT để kết nối 2 thị trấn gần nhau nhất với nhau. Bạn hãy tính thử xem chiều dài của tuyến buýt này bằng bao nhiêu? Và có bao nhiêu cặp thị trấn có tiềm năng giống nhau để xây dựng tuyến BRT này.

Input Format

Dòng đầu tiên là số nguyên N ($N \leq 1000\ 000$). Dòng tiếp theo gồm N số nguyên $A[i]$

Constraints

$N \leq 1000\ 000; -10^9 \leq A[i] \leq 10^9$

Output Format

In ra 2 số nguyên C và D, lần lượt là khoảng cách ngắn nhất giữa 2 thị trấn, và số lượng cặp thị trấn có cùng khoảng cách ngắn nhất này.

Sample Input 0

```
4
6 -3 0 4
```

Sample Output 0

```
2 1
```

Explanation 0

Khoảng cách nhỏ nhất giữa 2 thị trấn là giữa thị trấn có tọa độ 4 và tọa độ 6.

[Mảng 1 Chiều]. Bài 16. Định lý Pytago

Theo định lý Pytago, ta đã biết một bộ 3 số (a, b, c) thỏa mãn $a^2 + b^2 = c^2$ thì đó là ba cạnh của một tam giác vuông. Cho dãy số A[] gồm có N phần tử. Nhiệm vụ của bạn là kiểm tra xem có tồn tại bộ ba số thỏa mãn là ba cạnh của tam giác vuông hay không.

Input Format

Dòng đầu tiên là số nguyên N Dòng tiếp theo gồm N số nguyên A[i]

Constraints

$1 \leq N \leq 5000; 1 \leq A[i] \leq 10^9$

Output Format

In YES nếu trong mảng tồn tại 3 cặp thỏa mãn bộ 3 Pytago, ngược lại in NO.

Sample Input 0

```
3
3 4 5
```

Sample Output 0

```
YES
```

[Mảng 1 Chiều]. Bài 18. Đếm số lượng cặp số bằng nhau trong mảng

Cho dãy số $A[]$ gồm có N phần tử, nhiệm vụ của bạn là đếm số lượng cặp số bằng nhau trong mảng.

Input Format

Dòng đầu tiên là số nguyên N . Dòng tiếp theo gồm N số nguyên $A[i]$

Constraints

$$1 \leq N \leq 10^6; 1 \leq A[i] \leq 10^6$$

Output Format

In ra số lượng cặp số bằng nhau trong mảng, không xét đến thứ tự.

Sample Input 0

```
6
2 2 1 3 2 3
```

Sample Output 0

```
4
```

Explanation 0

Các cặp số bằng nhau theo chỉ số : (0, 1), (0, 4), (1, 4), (3, 5)

[Mảng 1 Chiều]. Bài 19. Dãy con dài nhất các phần tử liên kế khác nhau

Cho dãy số $A[]$ gồm có N phần tử, nhiệm vụ của bạn tìm ra độ dài của dãy con liên tiếp các phần tử sao cho các phần tử liên kế nhau trong dãy con đều khác nhau. Nếu có nhiều dãy con thỏa mãn, hay in ra dãy con có tổng lớn nhất.

Input Format

Dòng đầu tiên là số nguyên N . Dòng tiếp theo gồm N số nguyên $A[i]$.

Constraints

$$1 \leq N \leq 10^6; 1 \leq A[i] \leq 10^6$$

Output Format

In ra đáp án của bài toán trên 2 dòng. Dòng đầu tiên là độ dài của dãy con dài nhất. Dòng thứ 2 là các phần tử trong dãy con đó.

Sample Input 0

```
8
1 2 3 4 4 5 6 7
```

Sample Output 0

```
4
4 5 6 7
```